ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN

TRẦN THỊ TUYẾT SƯƠNG

DI SẢN VĂN HOÁ BIỂN ĐẢO QUẢNG NGÃI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC
MÃ SỐ: 9229040

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2025

Công trình được hoàn thành tại

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – ĐHQG-HCM

Người hướng dẫn khoa học:

TS. Đinh Thị Dung

TS. Nguyễn Đăng Vũ

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cơ sở đào tạo họp tại:…….

……

vào hồi……. giờ……. ngày….. tháng…. Năm…

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM
- Thư viện Đại học Quốc gia Tp. HCM
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Tp. HCM

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

"Di sản văn hoá biển đảo Quảng Ngãi với hoạt động du lịch tại địa phương"

1. Trần Thị Tuyết Sương. (2020). Phát triển du lịch cộng đồng ở làng ven biển Gò Cỏ (Thị xã Đức Phổ, Quảng Ngãi). Trường ĐH KHXH&NV- ĐHQG TPHCM, Một số vấn đề khoa học xã hội và nhân văn (Hội thảo khoa học sau đại học 2020), 381-392. NXB Đại học quốc gia TPHCM. ISBN: 978-604-73-8019
2. Trần Thị Tuyết Sương. (2021). The Study of Competitive Advantages from Cultural Heritages in Marine and Island Tourism Development in Quảng Ngãi Province. HUTECH, The 2nd International Conference on Science, Technology and Society Studies (STS 2021), 598-607. Science and Technics Publishing house. ISBN: 978-604-67-2053-9
3. Trần Thị Tuyết Sương. (2021). Phát huy giá trị di sản văn hoá biển đảo phát triển du lịch bền vững tại Quảng Ngãi. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Địa lí nhân văn, Hội Địa lý Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo Khoa học địa lý nhân văn với việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, 289-299. NXB Khoa học xã hội. ISBN: 978-604-308-717-8
4. Trần Thị Tuyết Sương. (2021). Quản lý di sản văn hóa biển đảo với phát triển du lịch tại Quảng Ngãi. Trường ĐH KHXH&NV- ĐHQG TPHCM, Khoa học xã hội và nhân văn 2021 (Hội thảo quốc tế khoa học xã hội và nhân văn 2021) (USSH-ICSSH 2021), 732-742. NXB Đại học quốc gia TPHCM. ISBN: 978-604-73-8945-2.
5. Trần Thị Tuyết Sương. (2021). Di sản văn hoá biển đảo Lý Sơn: Lịch sử bảo vệ chủ quyền và lợi thế phát triển du lịch. Trường ĐH KHXH&NV- ĐHQG TPHCM, Viện Nghiên cứu Biển và hải đảo – VISI, Quan hệ giữa phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam, 160-173. NXB Đại học quốc gia TPHCM. ISBN: 978-604-73-9153-0
6. Trần Thị Tuyết Sương. (2023). Sustainabe tourism development in Ly Son (Quang Ngai province): Challenges for a small island. Duy Tân University, The Hong Kong Polytechnic University, Conference Proceedings The 19th Asia Pacific Forum for Graduate Students Research in Tourism, 34-37. Information and Communications Publishing house. ISBN: 978-604-80-8008-2.
7. Trần Thị Tuyết Sương. (2024). Sản phẩm du lịch làng ven biển Gò Cỏ (Quảng Ngãi) dưới góc nhìn phát triển du lịch bền vững. Trường ĐH KHXH&NV- ĐHQG HN, Trường ĐH Văn Lang, Kỷ yếu hội thảo du lịch quốc gia Ứng dụng công nghệ số, khai thác giá trị di sản, phục vụ phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam, 390-401. NXB Đại học quốc gia Hà Nội. ISBN: 978-604-43-1124-1.

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Văn hoá là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững vì lợi ích cộng đồng, là nguồn lực quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế của các quốc gia và được coi là tài sản chung của nhân loại. Với tư cách là một bộ phận của văn hóa, di sản văn hóa (DSVH) cũng góp phần rất lớn đối với sự phát triển bền vững của các quốc gia và dân tộc. Đặc biệt, trong hoạt động du lịch (HĐDL), di sản văn hóa chính là nguồn vốn không thể thay thế, góp phần tạo thế mạnh, sự khác biệt cho các điểm đến. Là một địa phương thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Quảng Ngãi có hệ thống di sản văn hóa biển đảo (DSVHBĐ) rất phong phú và đa dạng. Hơn nữa, với đặc điểm riêng về không gian, thời gian và chủ thể, di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi còn có những đặc trưng riêng; một số di sản có giá trị nổi bật và khó có thể tìm thấy ở những nơi khác. Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi đã và đang tập trung rất nhiều nguồn lực, kêu gọi đầu tư nhằm xây dựng được các sản phẩm du lịch đặc thù phù hợp với tiềm năng di sản văn hóa biển đảo của địa phương. Tuy nhiên, hiện nay, việc nhận diện giá trị của di sản văn hóa biển đảo ở Quảng Ngãi và hiệu quả khai thác các giá trị này trong hoạt động du lịch tại địa phương vẫn còn những tồn tại nhất định. Trước tình hình trên, nghiên cứu sinh cho rằng việc nghiên cứu để nâng cao hiệu quả khai thác các giá trị di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi, với tư cách là nguồn vốn văn hóa, trong hoạt động du lịch của địa phương là cấp thiết và có ý nghĩa lí luận cũng như thực tiễn. Vì vậy, nghiên cứu sinh chọn đề tài "Di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi với hoạt động du lịch tại địa phương" làm đề tài nghiên cứu cho luận án tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Văn hóa học của mình.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

2.1. Các nghiên cứu liên quan đến di sản văn hóa với hoạt động du lịch

2.1.1. Các nghiên cứu ở nước ngoài

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng DSVH là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời thúc đẩy sự sáng tạo và giá trị kinh tế, chẳng hạn như: Albert, Bernecker & Rudolff (2013); Rizzo & Mignosa (2013); Cerisola (2019),…

Về mối quan hệ giữa DSVH và du lịch, cần lưu ý các nghiên cứu của Mckercher & Du cros (2012); Surabhi Srivastava (2018); Timothy (2020); Pacelli và Sica (2020); Smith, Yu và Lertcharnrit (2023).

Nhiều nghiên cứu đã phân tích mối quan hệ giữa DL và các loại hình DSVH khác nhau cũng đã được công bố: Kim, S. (2018); Comer & Willems (2019); Timothy & Tahan (2020). Nghiên cứu theo từng khu vực địa lí cụ thể, có một số nghiên cứu của: Timothy & Nyaupane (2009); Silva & Chapagain (2017); Jimura (2022); Timothy (2023).

2.1.2. Các nghiên cứu ở Việt Nam

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa DSVH và HĐDL ở Việt Nam, có thể kể đến các tác giả: Phan Hồng Giang và Bùi Hoài Sơn (2012); Hội Khoa học lịch sử

Việt Nam (2015); Nguyễn Thị Thu Hà (2016); Lê Hồng Lý (2022); Nguyễn Tuệ Chi (2022);… Tiếp cận DSVH với vai trò là nguồn vốn văn hóa cho HĐDL, có các nghiên cứu của Hà Hữu Nga (2020); Vũ Thu Hiền (2020); Nguyễn Thị Anh Quyên (2021); Trần Thị Lan (2022);…

Nhìn chung, rất nhiều các nhà nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam áp dụng cách tiếp cận liên ngành và đa ngành trong nghiên cứu về di sản văn hóa. Trong đó, các nghiên cứu nhấn mạnh đến khía cạnh kinh tế - xã hội của di sản văn hóa ngày càng được quan tâm nhiều hơn.

2.2. Các nghiên cứu liên quan đến văn hóa biển đảo và di sản văn hóa biển đảo

2.2.1. Các nghiên cứu ở nước ngoài

Tiếp cận góc độ nhân học biển/hàng hải; nghiên cứu của Smith (1977) là tài liệu tham khảo quan trọng. Ngoài ra, còn có các nghiên cứu đáng chú ý của: Ma G. (2020); Roszko E. (2021); Kołodziej A. (2022). Liên quan đến khảo cổ học biển, có các nghiên cứu nổi bật của Muckelroy K. (1978); Boshoff và các tác giả khác (2003); Kondo H. & Iwabuchi A. (2011); Kimura J. (2016). Liên quan đến DSVHBĐ, có thể kể đến các nghiên cứu của: Lehman J. (2018); Henderson J. (2019); Holly G. và các tác giả khác (2022)

2.2.2. Các nghiên cứu ở Việt Nam

Trước thế kỉ XXI, có thể kể đến công trình *Biển với người Việt cổ* của Trần Quốc Vượng & Cao Xuân Phổ (1996). Thế kỉ XXI, các vấn đề nghiên cứu liên quan đến văn hoá biển đảo trở nên phong phú và đa dạng hơn rất nhiều. Đáng chú ý là: *Văn hóa dân gian làng ven biển* do Ngô Đức Thịnh chủ biên (2000); *Văn hóa dân gian biển đảo Việt Nam – Hệ thống và giá trị* do Nguyễn Chí Bền (2020) chủ biên. Dưới góc nhìn văn hoá học, cần quan tâm đến các nghiên cứu của: Nguyễn Thị Hải Lê (2013)**;** Trần Ngọc Thêm (2014); Nguyễn Thị Phương Thảo (2015); Nguyễn Thành Nam (2020); Nguyễn Chí Bền (2024). Tiếp cận từ góc độ của nhân học biển, tác phẩm *Đời sống xã hội – kinh tế – văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, tác giả Phan Thị Yến Tuyết (2014) là một tài liệu tham khảo quan trọng. Từ góc độ khảo cổ học, có các nghiên cứu của: Nguyễn Trung Chiến (2015); Lâm Thị Mỹ Dung và Đặng Hồng Sơn (2018); Nguyễn Kim Dung (2017); Nguyễn Văn Kim (2019); Lâm Thị Mỹ Dung (2023). Ngoài ra, còn rất nhiều công trình nghiên cứu là các luận án, luận văn, các bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí, các bài tham luận đăng trong kỷ yếu các hội thảo,…

2.3. Các nghiên cứu liên quan đến di sản văn hóa biển đảo với hoạt động du lịch

2.3.1. Các nghiên cứu ở nước ngoài

Nghiên cứu liên quan đến DSVHBĐ với HĐDL, có thể kể đến các công trình của: Woo K. S và các tác giả khác (2013); Routledge (2014); Vladimirova M. (2016); Della A. Scott-Ireton & Jennifer F. McKinnon (2016); Modica P. & Uysal M. (2016); Jeon Y. & Woo K. S. (2018); Jiménez de Madariaga C. & García del Hoyo J. J. (2019); Ferreira da Silva và các tác giả khác (2022);

Zamzami L. & Iwabuchi A. (2019); Manglis A. và các tác giả khác (2020); Li X. và các tác giả khác (2021)

2.3.2. Các nghiên cứu ở Việt Nam

Các nghiên cứu liên quan đến DSVHBĐ với HĐDL được tiếp cận từ nhiều góc độ, của các tác giả: Trương Thu Hằng (2011); Nguyễn Quốc Hùng (2015); Đoàn Sung và Nguyễn Tuấn Lâm (2015); Hà Đình Thành (2016); Phạm Quốc Quân (n.d); Nguyễn Hữu Nghị (2020); Nguyễn Quang Thái (2021); Nguyễn Thị Hậu (2023)

2.4. Các nghiên cứu liên quan đến di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi với hoạt động du lịch tại địa phương

2.4.1. Các nghiên cứu liên quan đến di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi

Trước hết phải kể đến công trình nghiên cứu *Văn hóa dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi* của tác giả Nguyễn Đăng Vũ (2016). Bên cạnh đó, còn có các nghiên cứu của: Đoàn Ngọc Khôi (2003); Cao Chư (2010); Roszko (2010); Cao Nguyễn Ngọc Anh, 2011; Roszko (2016); Trịnh Xuân Hạnh (2016); Dương Hà Hiếu (2017); Phạm Tấn Thiên (2017); Nguyễn Duy Đoài (2019); Vũ Quang Dũng (2017); Võ Minh Tuấn (2018); Bùi Văn Hiếu (2021); … Qua các tài liệu nêu trên, chúng tôi nhận thấy ngày càng có nhiều những nghiên cứu liên quan đến di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về các giá trị di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi.

2.4.2. Các nghiên cứu liên quan đến khai thác giá trị di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi trong hoạt động du lịch

Liên quan đến HĐDL tỉnh Quảng Ngãi, có các nghiên cứu của Lê Hoàng Tân (2011), Đỗ Hoàng Linh (2016), Lê Thị Uyên Phương (2017),… Liên quan đến việc khai thác giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL, có thể kể đến một số nghiên cứu trong: Kỷ yếu hội thảo *Khai thác tiềm năng biển đảo vì sự phát triển bền vững của Quảng Ngãi và miền Trung* (2012); ấn phẩm *Văn hóa dân gian với vấn để biển đảo* (2017).

Nghiên cứu về đảo Lý Sơn, có nghiên cứu của Lê Văn Trọng (2014); Cao Thanh Thuận (2015); Nguyễn Thanh Tưởng (2015); Phạm Quốc Quân (2016); Trần Hữu Thuỳ Giang (2016); Trương Quang Hải (2020); Trương Thị Thuỳ Trang, Hạ Thị Thuỳ Linh (2020); Phan Văn Bình (2024). Ngoài ra, nghiên cứu địa bàn thị xã Đức Phổ, có nghiên cứu của Quảng Đại Tuyên & Bùi Khánh Tiên (2024).

Nhìn chung, các nghiên cứu liên quan đến vấn đề khai thác các giá trị của di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi trong HĐDL khá đa dạng, cả về lí luận và thực tiễn. Tuy nhiên, đa số các nghiên cứu còn rời rạc và chủ yếu tập trung ở địa bàn huyện đảo Lý Sơn mà chưa có nhiều nghiên cứu cho các địa phương ven biển khác.

2.4. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Sau khi nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu Di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi với hoạt động du lịch tại địa phương và kế thừa những giá trị của

các tài liệu, công trình nghiên cứu đi trước, chúng tôi nhận thấy luận án cần tiếp tục nghiên cứu hệ thống về di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi với vai trò là vốn văn hoá, là tài nguyên du lịch cho hoạt động du lịch; đánh giá thực trạng khai thác di sản văn hóa biển đảo trong HĐDL trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; đề xuất các định hướng và đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả khai thác giá trị các di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi trong HĐDL tỉnh Quảng Ngãi.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm phát huy giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL tại địa phương, hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững. Cụ thể:

- Nhận diện giá trị của DSVHBĐ Quảng Ngãi, với tư cách là một nguồn vốn văn hoá cho HĐDL tại địa phương.

- Đánh giá thực trạng khai thác giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL tại địa phương.

- Đề xuất định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL tại địa phương hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu của luận án, nghiên cứu sinh xác định các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Nghiên cứu tổng quan các tài liệu liên quan đến vấn đề DSVHBĐ Quảng Ngãi với HĐDL tại địa phương để kế thừa và phát hiện những khoảng trống nghiên cứu mà luận án cần tập trung làm rõ;

- Nghiên cứu xác lập cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn liên quan đến vấn đề DSVHBĐ Quảng Ngãi với HĐDL tại địa phương để làm nền tảng thực hiện đề tài;

- Tiến hành thu thập dữ liệu liên quan đến DSVHBĐ Quảng Ngãi và thực trạng khai thác giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL tại địa phương;

- Phân tích giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi và những lợi thế cạnh tranh cho HĐDL;

- Tìm hiểu thực trạng khai thác giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL tại địa phương;

- Phân tích PESTEL và phân tích SWOT về việc khai thác giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL tại địa phương;

- Đề xuất định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL tại địa phương theo hướng phát triển bền vững.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài xác định đối tượng nghiên cứu là di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi với hoạt động du lịch.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài giới hạn địa bàn nghiên cứu tập trung ở các địa phương thuộc khu vực ven biển và hải đảo Quảng Ngãi. Tuy nhiên, chúng tôi chỉ chọn khảo sát những địa bàn có sự đa dạng và phong phú về di sản văn hóa biển đảo.

Chúng tôi sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp từ năm 2024 trở về trước; nguồn dữ liệu sơ cấp được thu thập từ năm 2019 cho đến tháng 9 năm 2024.

Mối quan hệ giữa DSVH và HĐDL là mối quan hệ biện chứng phức tạp. Luận án này nghiên cứu DSVH với vai trò là nguồn vốn văn hóa cho HĐDL.

5. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi có vai trò như thế nào đối với HĐDL tại địa phương?

Câu hỏi 2: Thực trạng khai thác giá trị DSVHBĐ trong HĐDL tại Quảng Ngãi hiện nay như thế nào và những yếu tố nào đang cản trở việc khai thác tối ưu?

Câu hỏi 3: Để nâng cao hiệu quả khai thác DSVHBĐ đảo trong HĐDL tại Quảng Ngãi hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững, cần có những định hướng và giải pháp nào?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi đóng vai trò là nguồn vốn văn hoá quan trọng trong việc nâng cao lợi thế cạnh tranh của DL Quảng Ngãi so với các địa phương khác.

Giả thuyết 2: Việc khai thác giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL chưa đạt hiệu quả tối ưu. Nguyên nhân có thể đến từ việc thiếu sự hợp tác giữa các bên liên quan và hạn chế về các nguồn lực.

Giả thuyết 3: Để nâng cao hiệu quả khai thác DSVHBĐ trong HĐDL hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững, tỉnh Quảng Ngãi cần có chiến lược với tầm nhìn dài hạn về phát triển DL biển đảo và các định hướng khai thác thế mạnh DSVHBĐ. Đồng thời, địa phương cũng cần có các giải pháp cụ thể để giải quyết các vấn đề liên quan đến khai thác giá trị DSVHBĐ trong HĐDL.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Quan điểm tiếp cận

Để giải quyết sự phức tạp và đa chiều của đề tài nghiên cứu, luận án chọn các hướng tiếp cận: tiếp cận liên ngành; tiếp cận phát triển bền vững; tiếp cận kết hợp trên xuống và dưới lên.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp đã được sử dụng: phương pháp quan sát tham dự; phương pháp phỏng vấn sâu; phương pháp nghiên cứu trường hợp; phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi (Anket); phương pháp nghiên cứu so sánh và một số phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu khác (phân loại kết hợp với hệ thống hóa; phân tích và tổng hợp; phân tích PESTEL và phân tích SWOT).

7. Ý nghĩa và những đóng góp của luận án

7.1. Ý nghĩa của luận án

Luận án có ý nghĩa trong việc nâng cao hiệu quả khai thác các giá trị của DSVHBĐ trong HĐDL tại Quảng Ngãi

7.2. Những đóng góp của luận án

Trước hết, luận án góp phần củng cố thêm lí luận về việc nghiên cứu DSVH như là nguồn vốn văn hóa cho HĐDL. Kết quả nghiên cứu về thực trạng khai thác giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL tại địa phương cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng và điều chỉnh các chính sách. Những định hướng và giải pháp có giá trị trong việc nâng cao hiệu quả khai thác giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL tại địa phương.

8. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu; Danh mục bảng, biểu đồ, sơ đồ; Danh mục từ viết tắt; Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án có bố cục gồm 4 chương như sau:

Chương 1. Cơ sở lí luận và thực tiễn

Chương 2. Giá trị di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi

Chương 3. Thực trạng khai thác giá trị di sản văn hoá biển đảo trong hoạt động du lịch Quảng Ngãi

Chương 4. Định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác giá trị di sản văn hóa biển đảo trong hoạt động du lịch Quảng Ngãi

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Cơ sở lí luận

1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài

1.1.1.1. Di sản văn hóa

Trong nghiên cứu này, kết hợp quan điểm của Luật Di sản văn hóa (2001) và Luật di sản văn hoá (2024) của Việt Nam, chúng tôi quan niệm di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, thẩm mỹ và được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác

DSVH được phân loại thành DSVH vật thể và DSVH phi vật thể với các hợp phần cụ thể như sau:

- DSVH vật thể bao gồm: di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích khảo cổ, danh lam thắng cảnh và di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

- DSVH phi vật thể bao gồm: Biểu đạt và truyền thống truyền khẩu; Nghệ thuật trình diễn dân gian; Tập quán xã hội và tín ngưỡng; Lễ hội truyền thống; Tri thức dân gian; Nghề thủ công truyền thống.

1.1.1.2. Giá trị di sản văn hóa

Các giá trị của DSVH có thể được phân loại thành: nhóm giá trị gốc ((lịch sử, văn hóa, khoa học,…) và nhóm giá trị phái sinh (nhận thức, giáo dục, kinh tế,…). Hai nhóm này tương tác chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau. Việc phân loại giá trị

giúp cân bằng giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại trong phát huy giá trị DSVH

1.1.1.3. Di sản văn hóa biển đảo

Thuật ngữ "văn hóa biển đảo" ngày càng trở nên thông dụng, phổ biến

Di sản văn hóa biển đảo là hệ thống các sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học; do một cộng đồng người sáng tạo trong quá trình lao động, sản xuất, tổ chức cuộc sống gắn bó với biển đảo; được tích lũy trong một quá trình lịch sử lâu dài và được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

1.1.1.4. Hoạt động du lịch

Du lịch (tourism) có nội hàm hẹp hơn lữ hành (travel) và được giới hạn ở một số đặc trưng: (1) sự di chuyển của con người ra ngoài nơi cư trú thường xuyên; (2) thời gian không quá 01 năm liên tục; (3) nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tìm hiểu, khám phá tài nguyên du lịch hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác (Luật du lịch, 2017).

Khái niệm "hoạt động du lịch" sẽ được hiểu một cách rộng hẹp khác nhau. Theo nghĩa hẹp, HĐDL được hiểu là các hoạt động cụ thể, liên quan đến du lịch mà du khách tham gia (trong chương trình du lịch) tại một điểm đến du lịch. Theo nghĩa rộng, HĐDL không chỉ có hoạt động của du khách mà là hoạt động của các bên liên quan đến ngành du lịch.

1.1.2. Di sản văn hóa với hoạt động du lịch

1.1.2.1. Mối quan hệ giữa di sản văn hóa và hoạt động du lịch

Mối quan hệ giữa DSVH và du lịch không phải mới được hình thành qua vài thế kỉ mà đã có từ rất xa xưa, từ khi con người còn chưa biết rõ về nó. Mối quan hệ tương hỗ, tác động qua lại giữa DSVH và HĐDL đã được đề cập đến trong hàng loạt nghiên cứu đến từ các tổ chức và giới học thuật trên thế giới. Trong giới hạn luận án này, chúng tôi tập trung nghiên cứu DSVH với tư cách là một nguồn lực – vốn văn hóa đối với HĐDL.

1.1.2.2. Di sản văn hóa với tư cách là vốn văn hóa cho hoạt động du lịch

Các giá trị DSVH nếu được khai thác phục vụ cho HĐDL sẽ trở thành một phần thuộc phân hệ tài nguyên du lịch – phân hệ tạo sự thu hút và hấp dẫn đối với khách du lịch.

Nguồn lực tài nguyên du lịch là DSVH, nếu thoả mãn được các tiêu chí: có giá trị - hiếm có – không thể thay thế - khó bắt chước và được khai thác tối ưu, sẽ trở thành lợi thế cạnh tranh cho HĐDL.

1.1.3. Lí thuyết nghiên cứu

1.1.3.1. Lí thuyết Vốn văn hóa (Cultural Capital)

Đề tài luận án nghiên cứu DSVHBĐ Quảng Ngãi với vai trò là một nguồn lực - vốn văn hóa và nguồn vốn này có thể được chuyển đổi thành các loại vốn khác thông qua HĐDL. Do đó, chúng tôi sử dụng Lí thuyết Vốn văn hóa (Capital Cultural) làm lí thuyết nghiên cứu cho đề tài luận án. Trong luận án này, lí thuyết "vốn văn hóa" được tiếp cận nhằm nhận diện các giá trị DSVHBĐ của địa

phương với tư cách là "vốn văn hóa" - một loại vốn đặc biệt, là nguồn lực nội sinh cho HĐDL tại Quảng Ngãi. Bên cạnh đó, việc khai thác DSVHBĐ trong HĐDL tại Quảng Ngãi sẽ chuyển đổi giá trị của vốn văn hóa để tạo ra những động lực cho phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

1.1.3.2. Lí thuyết Du lịch hội tụ (Convergence Tourism)

Việc áp dụng lí thuyết du lịch hội tụ trong luận án không chỉ cung cấp khung lý thuyết để khai thác hiệu quả giá trị di sản văn hóa biển đảo mà còn đưa ra các định hướng cụ thể (định hướng thị trường, định hướng hợp tác, định hướng đổi mới, định hướng giá trị) góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa địa phương, tăng cường vai trò cộng đồng và xây dựng thương hiệu du lịch bền vững cho tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Đặc điểm không gian - thời gian - chủ thể của di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi

1.2.1.1. Không gian của di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi

Quảng Ngãi có đường bờ biển khá dài với khoảng 130km, đứng ở vị trí thứ 9/28 tỉnh, thành giáp biển và là một trong 9 tỉnh, thành phố tại Việt Nam có đảo. Đặc biệt, đảo Lý Sơn còn là một hòn đảo tiền tiêu, có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng. Do đó, có thể khẳng định, không gian của hệ thống DSVHBĐ Quảng Ngãi hội đủ các điều kiện để được thừa nhận là một khu vực có văn hóa biển đảo rõ nét. Xét theo trục Bắc – Nam, Quảng Ngãi thuộc khu vực từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu - là khu vực có văn hóa biển mạnh nhất (Trần Ngọc Thêm, 2014)

1.2.1.2. Thời gian và chủ thể của di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi

Thời gian văn hóa diễn ra khá sớm, từ giai đoạn văn hóa Sa Huỳnh (cách đây khoảng 3000 năm) cho đến hiện nay. Tương ứng với thời gian văn hóa đó, chủ thể văn hóa của các di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi lần lượt là cư dân văn hóa Sa Huỳnh, cư dân văn hóa Champa và các thế hệ người Việt đã và đang sinh sống ở vùng ven biển và hải đảo Quảng Ngãi.

1.2.2. Hoạt động du lịch Quảng Ngãi

1.2.2.1. Chính sách, quan điểm phát triển du lịch của tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc, đồng thời xây dựng thương hiệu du lịch gắn với phát triển xanh, bền vững. Địa phương đang ngày càng thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc phát huy các nguồn lực hướng đến mục tiêu phát triển du lịch biển đảo làm chủ đạo, với tầm nhìn dài hạn đưa Lý Sơn trở thành hạt nhân du lịch biển đảo của Việt Nam.

1.2.2.2. Điều kiện phát triển du lịch của tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi có nhiều cảnh quan hấp dẫn như: thảo nguyên, đồi núi, bãi biển, thác nước, suối khoáng nóng,… Đặc biệt, đảo Lý Sơn Quảng Ngãi rất nổi tiếng với cảnh quan được kiến tạo từ địa chất núi lửa. Ngoài ra, Quảng Ngãi còn

có hệ thống DSVH phong phú. Do đó, địa phương có tiềm năng về du lịch biển đảo, du lịch văn hóa và một số loại hình du lịch khác.

Giao thông vận tải của Quảng Ngãi thuận lợi, cả về đường bộ, đường sắt và đường thuỷ. Về đường hàng không, tuy địa phương chưa có sân bay nhưng du khách có thể đến Quảng Ngãi thông qua sân bay Chu Lai. Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, khu vui chơi, giải trí... từng bước phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ nhu cầu của khách du lịch. Tuy nhiên, chất lượng cơ sở vật chất chỉ đáp ứng được nhu cầu lưu trú ở mức trung bình, chưa đủ điều kiện để thu hút du khách thuộc phân khúc cao cấp.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 16 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành. Lao động trong ngành du lịch tăng đáng kể nhưng vẫn chưa đáp ứng các yêu cầu về số lượng và chất lượng.

1.2.2.3. Tình hình hoạt động du lịch

HĐDL Quảng Ngãi từ năm 2010 đến nay, về cơ bản có sự tăng trưởng về doanh thu và số lượng khách du lịch. Tuy nhiên, địa bàn chính vẫn là Lý Sơn với vai trò là trung tâm. So sánh với các địa phương lân cận, hoạt động du lịch Quảng Ngãi vẫn còn nhiều hạn chế. Tình hình phát triển của du lịch biển đảo ở Quảng Ngãi, đặc biệt là tại huyện đảo Lý Sơn đang có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, rất nhiều giá trị DSVHBĐ nổi bật khác chưa được phát huy và khai thác hiệu quả, dẫn đến sản phẩm du lịch biển đảo chưa đa dạng và chưa tạo được lợi thế cạnh tranh hoặc thương hiệu riêng.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 của luận án đã cung cấp nền tảng lí luận và thực tiễn cần thiết cho việc nghiên cứu di sản văn hóa biển đảo và HĐDL tại tỉnh Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 2. GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA BIỂN ĐẢO QUẢNG NGÃI

2.1. Hệ thống di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi

2.1.1. Di sản văn hóa vật thể

Vùng biển đảo Quảng Ngãi có nhiều danh lam thắng cảnh có sức hấp dẫn đối với du khách. Văn hoá vùng đất này có sự diễn tiến liên tục từ văn hóa Sa Huỳnh đến văn hóa Champa và được người Việt kế thừa và sáng tạo cho đến ngày nay. Do đó, địa phương có nhiều di tích khảo cổ học, di tích kiến trúc nghệ thuật, tạo cơ hội lớn cho phát triển du lịch văn hóa. Hơn nữa, vùng biển đảo Quảng Ngãi còn là quê hương của đội hùng binh Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải, hiện đang lưu giữ nhiều DSVH là minh chứng cho lịch sử bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam, không chỉ có ý nghĩa đối với an ninh quốc phòng mà còn có giá trị đặc biệt đối với hoạt động du lịch. Ngoài ra, rất nhiều hiện vật là những di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia liên quan đến DSVHBĐ đang được bảo quản và trưng bày tại các bảo tàng và nhà trưng bày trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2.1.2. Di sản văn hóa phi vật thể

Đời sống tinh thần của cư dân (người Việt) vùng biển đảo Quảng Ngãi rất phong phú với nhiều loại hình tập quán xã hội và tín ngưỡng; trong đó, tiêu biểu

nhất là: tín ngưỡng thờ cúng cá Ông, lễ khao lề thế lính Hoàng Sa. Vùng biển đảo Quảng Ngãi còn có nhiều loại hình lễ hội truyền thống đặc trưng. Đặc biệt, Hội đua thuyền tứ linh của đảo Lý Sơn là lễ hội lớn nhất của cư dân vùng biển đảo ở Quảng Ngãi. Ngoài ra, thu hút nhiều người tham dự. Ngoài ra, nghệ thuật trình diễn dân gian, kho tàng ngữ văn dân gian, nghề thủ công truyền thống liên quan đến biển, tri thức dân gian của người Việt ở vùng biển đảo Quảng Ngãi khá phong phú và đa dạng, nhiều thể loại, mang lại giá trị lớn cho HĐDL.

2.2. Nhận diện giá trị di sản văn hoá biển đảo Quảng Ngãi

2.2.1. Giá trị lịch sử: Hệ thống di sản phản ánh quá trình cư trú lâu đời của con người qua các di chỉ Sa Huỳnh, Champa, Việt. Đặc biệt, di sản liên quan đến Hoàng Sa – Trường Sa khẳng định chủ quyền biển đảo, trong khi các di tích về tàu không số tại Đức Phổ thể hiện lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm.

2.2.2. Giá trị văn hóa: Di sản biển đảo Quảng Ngãi phản ánh sự giao thoa giữa đồng bằng và biển, giữa người Việt với Champa, Hoa, tạo nên bản sắc văn hóa độc đáo.

2.2.3. Giá trị khoa học: Hệ thống di sản đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu văn hóa Sa Huỳnh – Champa, khảo cổ học dưới nước và địa chất núi lửa.

2.2.4. Giá trị thẩm mỹ: Sự kết hợp giữa thiên nhiên và sáng tạo con người tạo nên cảnh quan độc đáo, giàu giá trị nghệ thuật và tinh thần.

2.2.5. Giá trị nhận thức - giáo dục: Di sản giúp nâng cao hiểu biết về lịch sử, văn hóa, con người và môi trường. Đặc biệt, di sản Hoàng Sa – Bắc Hải giáo dục lòng yêu nước, trong khi địa chất Lý Sơn góp phần nhận thức về bảo vệ tài nguyên.

2.2.6. Giá trị kinh tế – du lịch: Các di sản là nguồn lực quan trọng để phát triển du lịch, tạo việc làm, tăng thu nhập, bảo tồn văn hóa, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển đảo và góp phần vào an ninh – quốc phòng.

2.3. Những di sản văn hoá biển đảo có khả năng mang lại lợi thế cạnh tranh cho hoạt động du lịch Quảng Ngãi

2.3.1. Di sản văn hoá khảo cổ học Sa Huỳnh

Di chỉ văn hoá Sa Huỳnh được phát hiện lần đầu tiên vào năm 1909 tại Sa Huỳnh (Đức Phổ, Quảng Ngãi). Đây là nền văn hoá thuộc thời đại kim khí, có nguồn gốc bản địa. Loại hình di tích điển hình của văn hóa Sa Huỳnh là mộ táng.

Ở Quảng Ngãi, các di tích khảo cổ văn hoá Sa Huỳnh phần lớn nằm dọc theo các cồn cát ven biển, gần đầm nước ngọt, cạnh các dòng chảy ra cửa biển và đa số đều nằm cạnh bên những những làng muối cổ (Đoàn Ngọc Khôi, 2007). Ở khu vực đảo Lý Sơn, các nhà khảo cổ học cũng tìm thấy dấu tích của nền văn hóa này tại hai địa điểm Xóm Ốc và Suối Chình.

Sa Huỳnh (thị xã Đức Phổ) là nơi đầu tiên phát hiện và tự hào là địa danh được dùng để đặt tên cho một nền văn hóa lớn của Việt Nam – văn hóa Sa Huỳnh. Các phát hiện tại Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) có giá trị khoa học rất lớn, mang đến cho nhân loại nhận thức về một nền văn hóa cổ đại có sức lan toả thế giới. Hơn nữa, quần thể các địa điểm và di tích, di chỉ văn hóa Sa Huỳnh ở Sa Huỳnh (thị xã Đức Phổ, Quảng Ngãi) đã được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt. Đây chính

là lợi thế cạnh tranh về "thương hiệu" cho du lịch Quảng Ngãi. Bởi lẽ, hiếm có địa phương nào có thể thay thế cho tính đại diện của địa danh Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) khi nhắc đến văn hóa Sa Huỳnh.

2.3.2. Di sản văn hoá dưới nước

Tại Quảng Ngãi, có 3 con tàu đã được các cơ quan chuyên môn phối hợp với các tổ chức tiến hành khai quật chính thức, bao gồm: tàu Bình Châu 1 (khai quật năm 1999), tàu Bình Châu 2 (khai quật năm 2013) và tàu Dung Quất/tàu Tuyết Diêm 3 (khai quật năm 2018). Bên cạnh đó, rất nhiều hiện vật khác đã được tìm thấy trên vùng biển Quảng Ngãi (đa số là gốm sứ và một số bộ phận của xác tàu đắm) đang thuộc các bộ sưu tập tư nhân hoặc được người dân trục vớt và cất giữ tại nhà. Sự phong phú của các DSVH liên quan đến tàu đắm cổ này là những minh chứng cho vai trò khá đặc biệt của vùng biển Quảng Ngãi

Các DSVH liên quan đến tàu đắm cổ chính là thế mạnh của du lịch Quảng Ngãi. Vùng biển Bình Châu, Quảng Ngãi là nơi tập trung dày đặc của các con tàu đắm cổ. Theo Vũ Quốc Hiền, Nguyễn Tuấn Lâm (2018), xét về số lượng, ở Việt Nam chưa có một khu vực nào có nhiều di sản khảo cổ học dưới nước phân bố một cách dày đặc như ở vùng biển Bình Châu, Bình Sơn. Bên cạnh đó, tàu cổ Bình Châu 2 và tàu Châu Tân là hai con tàu cổ nhất được phát hiện ở vùng biển Việt Nam (Jun Kimura, 2016). Bên cạnh đó, các hiện vật đang được lưu giữ tại Bảo tàng tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi cùng với Bộ sưu tập tư nhân của Lâm Dzũ Xênh và Công ty Đoàn Ánh Dương và những bộ sưu tập của người dân địa phương là những kho tàng quí giá về di sản tàu đắm cổ của tỉnh Quảng Ngãi.

2.3.3. Di sản văn hoá liên quan đến Hoàng Sa - Trường Sa

Quảng Ngãi là quê hương của đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải, trong một thời gian dài thực hiện các nhiệm vụ quốc gia trên biển Đông, đóng góp to lớn cho công cuộc thăm dò và xác lập chủ quyền biển đảo dưới thời các chúa Nguyễn, thời Tây Sơn và sau này là triều Nguyễn. Các DSVH liên quan đến Hoàng Sa – Trường Sa ở Quảng Ngãi hiện đang phân bố tại hai địa điểm: trong đất liền (khu vực cửa biển Sa Kỳ) và trên đảo Lý Sơn. Các di tích ở khu vực cửa biển Sa Kỳ tập trung ở xã Tịnh Kỳ (TP.Quảng Ngãi) chủ yếu là phế tích: Miếu Hoàng Sa, Di tích Vườn Đồn, Đình làng An Vĩnh,… Trên đảo Lý Sơn, các DSVH liên quan đến Hoàng Sa – Trường Sa hiện còn được lưu giữ khá đầy đủ, tương đối nguyên vẹn và phong phú, đa dạng về loại hình: Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa; Âm linh tự và Mộ lính Hoàng Sa; Đình làng An Vĩnh; Nhà thờ họ Võ Văn; Mộ và đền thờ Võ Văn Khiết; Nhà thờ Phạm Quang Ảnh;…

Không có nơi nào ở Việt Nam còn lưu giữ được một hệ thống DSVH gắn liền với lịch sử xác lập chủ quyền biển đảo phong phú và đặc sắc như ở Quảng Ngãi. Rất nhiều đảo và quần đảo ở Việt Nam có các tài nguyên du lịch văn hóa là các di tích lịch sử cách mạng. Tuy nhiên, liên quan đến lịch sử bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam, chỉ có đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) gắn liền với sự ra đời và hoạt động của đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải và còn lưu giữ các DSVH là minh chứng cho công cuộc xác lập chủ quyền biển đảo từ thời các chúa Nguyễn.

Điều này góp phần tạo nên sự khác biệt về tài nguyên du lịch văn hóa của đảo Lý Sơn so với các hòn đảo khác. Do đó, các DSVH liên quan đến đội Hoàng Sa – Bắc Hải không chỉ là nguồn lực để phát triển du lịch mà còn trở thành lợi thế cạnh tranh cho HĐDL của Quảng Ngãi so với các địa phương khác.

2.3.4. Di sản văn hoá liên quan đến địa chất đảo núi lửa

Tỉnh Quảng Ngãi chỉ có một huyện đảo là Lý Sơn và nó đồng thời cũng là một trong ba kỳ quan đảo núi lửa của Việt Nam. Trên đảo Lớn (Lý Sơn) hiện có 5 ngọn núi nhưng có đến 6 miệng núi lửa; trên đảo Bé (Lý Sơn) có 1 miệng núi lửa dạng nón; dưới đáy biển có ít nhất 5 miệng núi lửa ngầm. Ngoài các miệng núi lửa, còn có các dạng địa hình thành tạo do tác động của biển trong hàng ngàn năm. Do đó, các DSVH liên quan đến địa chất đảo núi lửa ở Lý Sơn khá phong phú: Núi Thới Lới, Hang Câu, Chùa Hang, Núi Giếng Tiền, chùa Đục,…

Với cảnh quan hùng vĩ, hệ sinh thái phong phú cùng các giá trị văn hóa đặc trưng, các DSVH liên quan đến địa chất núi lửa sẽ trở thành những điểm đến lý tưởng cho HĐDL Lý Sơn, thậm chí tạo ra lợi thế cạnh tranh nổi bật cho HĐDL Quảng Ngãi.

Tiểu kết chương 2.

Hệ thống DSVHBĐ Quảng Ngãi phong phú, bao gồm cả di sản vật thể và phi vật thể, mang đặc trưng riêng biệt của khu vực. Các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ của di sản góp phần quan trọng vào nhận thức, giáo dục và phát triển du lịch. Qua khảo sát, bốn nhóm DSVHBĐ có lợi thế cạnh tranh được xác định: di sản khảo cổ học Sa Huỳnh, di sản Hoàng Sa - Trường Sa, di sản văn hóa dưới nước và di sản địa chất đảo núi lửa, giúp định hình thương hiệu du lịch biển đảo Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG KHAI THÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA BIỂN ĐẢO TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH QUẢNG NGÃI

3.1. Khảo sát việc khai thác giá trị di sản văn hóa biển đảo trong hoạt động du lịch tại các địa phương ven biển

Ven biển Quảng Ngãi, từ Nam ra Bắc lần lượt là các địa phương: thị xã Đức Phổ, huyện Mộ Đức, thành phố Quảng Ngãi, huyện Bình Sơn. Chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng khai thác giá trị DSVHBĐ trong HĐDL tại các địa phương ven biển này. Về cơ bản, mức độ khai thác DSVHBĐ phát triển du lịch của thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi, huyện Bình Sơn đang ở mức trung bình; trong khi đó, mức độ khai thác DSVHBĐ phát triển du lịch của huyện Mộ Đức còn rất hạn chế. Nhìn chung, việc phát huy giá trị DSVHBĐ chưa mang lại hiệu quả tương xứng với tiềm năng tại các địa phương.

3.2. Nghiên cứu trường hợp tại huyện đảo Lý Sơn

Lý Sơn có diện tích 10,39 km^2, là đảo núi lửa nằm gần bờ, cách 15 hải lí về phía đông bắc của tỉnh Quảng Ngãi. Huyện đảo có khá nhiều danh lam thắng cảnh đặc trưng bởi kiến tạo địa chất núi lửa. Nguồn tài nguyên sinh vật vùng biển ven đảo Lý Sơn cũng tương đối phong phú và đa dạng. Bên cạnh đó, đảo Lý Sơn

đang lưu giữ một kho tàng DSVH vô cùng phong phú, là kết quả của sự giao thoa của văn hóa Sa Huỳnh, Champa và người Việt. Hệ thống các DSVH trên đảo Lý Sơn là tài nguyên rất hấp dẫn đối với du khách muốn tham quan, tìm hiểu về văn hóa biển đảo, chủ quyền biển đảo của quốc gia và địa chất núi lửa. HĐDL Lý Sơn có sự tăng trưởng liên tục qua các năm, đặc biệt có sự khởi sắc rõ rệt trong khoảng 10 năm trở lại đây, đóng góp rất nhiều cho sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần gia tăng tiềm lực về kinh tế, thế mạnh về cơ sở vật chất cho hoạt động an ninh quốc phòng trên biển.

Huyện đảo Lý Sơn đã chủ động triển khai các phương án và chiến lược kịp thời nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa biển đảo (DSVHBĐ) gắn liền với hoạt động du lịch.

Các giá trị DSVH Lý Sơn là yếu tố hấp dẫn khách du lịch đến với hòn đảo. Du khách cũng thể hiện sự quan tâm và nhu cầu trải nghiệm đối với các giá trị DSVH ở Lý Sơn. Tuy nhiên, trên thực tế, thông qua khảo sát các trải nghiệm và hoạt động tham quan của khách du lịch và tần suất xuất hiện của giá trị DSVH trong các chương trình du lịch Lý Sơn, chúng tôi nhận thấy mức độ và hiệu quả khai thác DSVH trong HĐDL ở Lý Sơn chưa tương xứng với các tiềm năng của địa phương. Các giá trị DSVH là lợi thế cạnh tranh cho HĐDL của Lý Sơn cũng chưa có sự đầu tư phù hợp với tiềm năng, dẫn đến chưa tạo được sản phẩm du lịch đặc trưng và nổi bật để gia tăng lợi thế cạnh tranh cho hoạt động du lịch của huyện đảo.

3.3. Nghiên cứu trường hợp tại làng ven biển Gò Cỏ

Làng Gò Cỏ (Xóm Cỏ) là một làng ven biển thuộc thôn Long Thạnh 2, phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Môi trường tự nhiên của làng còn khá hoang sơ, nổi bật bởi giá trị địa chất, địa mạo và đa dạng sinh học. Làng Gò Cỏ cùng với các di tích thuộc khu vực cần được bảo vệ của Di tích quốc gia đặc biệt văn hoá Sa Huỳnh.

Hợp tác xã du lịch cộng đồng làng Gò Cỏ được thành lập vào tháng 4 năm 2019. Tại đây, các giá trị di sản văn hóa - nguồn lực sẵn có của cộng đồng địa phương đã được khai thác hiệu quả, tạo nên các sản phẩm du lịch phục vụ cho du khách. Đa số du khách hài lòng với các trải nghiệm văn hóa và môi trường tự nhiên tại làng Gò Cỏ. Đặc biệt, cộng đồng địa phương được đánh giá rất cao về sự thân thiện và hiếu khách. Người dân địa phương đã chủ động tham gia và đóng góp ý kiến cho tất cả các hoạt động của hợp tác xã khi nhận được sự hỗ trợ và hướng dẫn. Việc khai thác các giá trị nội lực (di sản văn hóa) và sự ủng hộ từ cộng đồng địa phương đã mang lại những hiệu quả phát triển bền vững, bao gồm việc thay đổi đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của người dân, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị DSVHBĐ cũng như nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường tự nhiên.

3.4. Đánh giá chung thực trạng khai thác giá trị di sản văn hóa biển đảo trong hoạt động du lịch tại Quảng Ngãi

3.4.1. Ưu điểm

Chính quyền Quảng Ngãi ngày càng nhận thức rõ vai trò của di sản văn hóa biển đảo (DSVHBĐ) trong phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Nhiều kế hoạch phát triển du lịch gắn với di sản đã được triển khai, với một số địa phương bước đầu định hình thương hiệu du lịch đặc trưng (ví dụ: Đức Phổ với văn hóa Sa Huỳnh, Lý Sơn với Hoàng Sa – Trường Sa). Các mô hình du lịch cộng đồng tại làng Gò Cỏ, rừng dừa nước Mỹ Khê, Bàu Cá Cái... đã mang lại hiệu quả kinh tế và nâng cao nhận thức cộng đồng. Một số sản phẩm du lịch kết hợp di sản và cảnh quan thiên nhiên đã thu hút du khách.

3.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế: Sản phẩm du lịch từ DSVHBĐ chưa đa dạng, chủ yếu dừng ở tham quan di tích, lễ hội truyền thống. Các giá trị văn hóa nổi bật chưa được khai thác và quảng bá hiệu quả. Cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và dịch vụ du lịch còn hạn chế. Quảng bá du lịch thiếu chiến lược đồng bộ. Mức độ tham gia của cộng đồng còn thấp do thiếu đào tạo và lợi ích kinh tế chưa rõ ràng. Một số di sản vẫn bảo tồn thụ động, chưa khai thác bền vững.

Nguyên nhân: Ngân sách hạn chế, chính sách đầu tư chưa hấp dẫn. Quản lý di sản còn phân tán, thiếu phối hợp. Người dân chưa nhận thức đầy đủ về giá trị của DSVHBĐ và chưa có ý thức bảo vệ di sản bền vững.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 đã nghiên cứu khảo sát việc khai thác giá trị di sản văn hóa biển đảo (DSVHBĐ) trong hoạt động du lịch tại Quảng Ngãi, tập trung vào hai trường hợp điển hình: làng Gò Cỏ và đảo Lý Sơn. Kết quả cho thấy việc khai thác DSVHBĐ còn thiếu đồng bộ, chủ yếu tập trung ở Lý Sơn và chưa phát huy hết tiềm năng. DSVHBĐ đã góp phần thúc đẩy phát triển địa phương nhưng ở mức độ khác nhau. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế, đòi hỏi các bên liên quan cần có định hướng và giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả khai thác, gia tăng sức cạnh tranh du lịch cho tỉnh.

CHƯƠNG 4. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHAI THÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA BIỂN ĐẢO TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH QUẢNG NGÃI

4.1. Cơ sở đề xuất định hướng và giải pháp

4.1.1. Phân tích PESTEL

4.1.1.1. Yếu tố chính trị - pháp luật

Chính sách văn hóa của Việt Nam không chỉ tập trung vào bảo tồn mà còn khuyến khích khai thác văn hóa như một nguồn lực phát triển bền vững, đặc biệt thông qua công nghiệp văn hóa và du lịch.

Tranh chấp trên Biển Đông hiện nay đang diễn ra hết sức phức tạp, với nhiều yếu tố chính trị và chiến lược đan xen. Việt Nam vừa kiên quyết bảo vệ chủ

quyền trên Biển Đông, phát triển kinh tế biển bền vững, hài hòa giữa lợi ích kinh tế, an ninh quốc phòng và bảo tồn văn hóa biển đảo.

Chính sách phát triển du lịch của Việt Nam hướng đến sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản văn hóa, đồng thời khai thác hiệu quả các tiềm năng du lịch địa phương để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

4.1.1.2. Yếu tố kinh tế

Kinh tế biển đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, với du lịch biển là lĩnh vực chủ đạo, chiếm hơn 70% doanh thu ngành du lịch. Các địa phương ven biển đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ sang dịch vụ, song vẫn tồn tại chênh lệch phát triển. Việt Nam sở hữu tiềm năng lớn nhờ tài nguyên biển phong phú và lượng khách du lịch tăng nhanh, nhưng hạ tầng chưa đồng bộ, sản phẩm chưa đa dạng, và giá trị văn hóa chưa khai thác hiệu quả.

4.1.1.3. Yếu tố xã hội

Bối cảnh xã hội hiện nay chịu ảnh hưởng sâu sắc từ toàn cầu hóa, xu hướng du lịch, tác động hậu Covid-19 và yêu cầu phát triển bền vững. Toàn cầu hóa thúc đẩy phát triển kinh tế và công nghệ nhưng cũng đặt ra thách thức bảo tồn văn hóa. Du lịch ngày càng chú trọng yếu tố di sản văn hóa, đặc biệt trong du lịch biển đảo. Sau Covid-19, nhận thức về sức khỏe thay đổi, xu hướng du lịch an toàn và trải nghiệm cá nhân gia tăng. Đồng thời, phát triển bền vững trở thành ưu tiên, với du khách quan tâm hơn đến bảo vệ môi trường và văn hóa bản địa.

4.1.1.4. Yếu tố công nghệ

Công nghệ đang đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn di sản và phát triển du lịch tại Việt Nam. Chuyển đổi số giúp số hóa tư liệu, phát triển nền tảng trực tuyến và ứng dụng công nghệ mới như VR, AR để nâng cao trải nghiệm. Du lịch thông minh trở thành xu hướng, với sự hỗ trợ của vé điện tử, phần mềm quản lý và truyền thông số, giúp tiếp cận du khách hiệu quả hơn.

4.1.1.5. Yếu tố môi trường

Môi trường biển đảo Việt Nam đang chịu áp lực lớn từ du lịch, với tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa và suy giảm đa dạng sinh học. Việc cân bằng giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường chưa được đảm bảo, đòi hỏi các biện pháp quản lý rác thải và bảo tồn hệ sinh thái biển chặt chẽ hơn.

4.1.2. Phân tích SWOT

Điểm mạnh (S): hệ thống DSVHBĐ đa dạng và phong phú; nhiều DSVHBĐ có khả năng tạo ra lợi thế cạnh tranh; nhiều bãi biển đẹp, hệ sinh thái biển phong phú và địa hình đa dạng; chính quyền địa phương đã nhận diện được giá trị của DSVHBĐ đối với HĐDL của tỉnh; chính quyền địa phương đã tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm quảng bá và đẩy mạnh việc phát huy các giá trị DSVHBĐ gắn liền với HĐDL; có chiến lược xây dựng thương hiệu DL, đặc biệt là DL biển đảo, với Lý Sơn làm trọng tâm; các mô hình DL cộng đồng ngày càng phát triển; mạng lưới giao thông ngày càng hoàn thiện, gia tăng khả năng tiếp cận của du khách.

Điểm yếu (W): thiếu các biện pháp bảo tồn đúng cách và kịp thời; việc khai thác DSVHBĐ tại các địa phương trong tỉnh đang được triển khai mất cân bằng; sản phẩm DL khai thác giá trị DSVHBĐ chưa đa dạng; chưa có sản phẩm DL phát huy được các giá trị DSVHBĐ có lợi thế cạnh tranh; thiếu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về quản lí DSVH và DL; sự phối hợp giữa các bên liên quan chưa hiệu quả; DSVHBĐ phi vật thể chưa được phát huy tương xứng với tiềm năng; cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ DL còn thiếu về số lượng và chất lượng; công ty DL chưa khai thác đa dạng các giá trị DSVHBĐ để xây dựng các sản phẩm DL; vai trò của cộng đồng địa phương trong việc phát huy giá trị DSVHBĐ phát triển DL chưa được thể hiện.

Cơ hội (O): chính phủ có nhiều chính sách về phát huy giá trị DSVH trong phát triển DL**;** DL biển đảo đang được thúc đẩy phát triển**;** chính phủ đang thúc đẩy phát triển DL nông thôn**;** xu thế phát triển DL hiện đại nhấn mạnh vai trò của DSVH; nhu cầu trải nghiệm văn hóa bản địa tăng mạnh; sự hỗ trợ từ các chương trình hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển; DL được định hướng là ngành kinh tế mũi nhọn.

Thách thức (T): vấn đề tranh chấp Biển Đông ngày càng căng thẳng**;** Cạnh tranh với các địa phương khác trong khu vực về phát triển DL biển đảo**;** ngân sách nhà nước cho việc bảo tồn DS và đầu tư hạ tầng còn hạn chế**;** du khách hiện đại mong đợi các dịch vụ DL chất lượng cao hơn; áp lực lên môi trường tự nhiên và di sản văn hóa tại các điểm DL biển đảo; thách thức về phát triển bền vững, đảm bảo cân bằng giữa môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng.

4.2. Định hướng khai thác giá trị di sản văn hóa biển đảo trong hoạt động du lịch tỉnh Quảng Ngãi

4.2.1. Định hướng xây dựng chiến lược trở thành một "tiểu trung tâm" về du lịch biển đảo của Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung

Địa phương cần có tầm nhìn chiến lược, dài hạn để trở thành một "tiểu trung tâm" về du lịch biển đảo của Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, với nguồn lực tài nguyên là sự kết hợp giữa hệ thống di sản văn hóa biển đảo phong phú, độc đáo cùng cảnh quan biển hấp dẫn, kết nối với "Con đường di sản miền Trung"

4.2.2. Định hướng tổ chức không gian du lịch biển đảo Quảng Ngãi dựa trên thế mạnh về di sản văn hóa biển đảo của từng địa phương

Cần thiết xây dựng tổ chức không gian phát triển du lịch biển đảo Quảng Ngãi dựa trên thế mạnh về DSVHBĐ của từng địa phương nhằm giảm áp lực cho đảo Lý Sơn và mở ra cơ hội phát triển du lịch biển đảo cho các khu vực ven biển khác; hướng đến phát triển bền vững.

4.2.3. Định hướng khai thác giá trị DSVHBĐ xây dựng sản phẩm du lịch

4.2.3.1. Xây dựng nền tảng - Phát triển các sản phẩm du lịch gắn với mô hình du lịch cộng đồng tại các làng ven biển

Việc khai thác các giá trị DSVHBĐ tại các làng ven biển để phục vụ phát triển du lịch cộng đồng nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch mang tính nền tảng, giúp cho Quảng Ngãi đạt được các mục tiêu dài hạn và bền vững.

4.2.3.2. Phát triển đột phá – Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù tạo lợi thế cạnh tranh cho du lịch biển đảo Quảng Ngãi

Với mục tiêu phát triển du lịch biển đảo là chủ đạo, trong bối cảnh sự cạnh tranh mạnh mẽ đến từ các địa phương đi trước, việc xây dựng chiến lược, tầm nhìn phát triển cùng thương hiệu du lịch biển đảo riêng là rất quan trọng đối với Quảng Ngãi. Để làm được điều này, ngành du lịch Quảng Ngãi cần nhận diện và xác định hệ giá trị nguồn lực tiêu biểu của mình để tạo ra các sản phẩm DL cạnh tranh, đóng góp quan trọng vào việc xây dựng thương hiệu và động năng riêng cho Quảng Ngãi.

4.3. Đề xuất giải pháp khai thác hiệu quả giá trị di sản văn hóa biển đảo trong hoạt động du lịch tỉnh Quảng Ngãi

4.3.1. Giải pháp hội tụ định hướng thị trường

4.3.1.1. Tích hợp sản phẩm dịch vụ

Hội tụ tài nguyên du lịch hướng đến việc tối ưu hóa tiềm năng khai thác các giá trị nổi bật của di sản văn hóa biển đảo, tạo ra sự gắn kết và sức mạnh tổng hợp giữa các loại hình tài nguyên, bao gồm: hội tụ giữa tài nguyên văn hóa và tài nguyên tự nhiên; hội tụ giữa di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể

Để khai thác DSVH phát triển du lịch biển đảo Quảng Ngãi một cách bền vững và hiệu quả, cần hội tụ các loại hình du lịch đại chúng với các loại hình du lịch bền vững, cũng như đa dạng các sản phẩm du lịch từ các giá trị DSVHBĐ và cảnh quan thiên nhiên. Ngoài ra, cần phát triển các tuyến du lịch kết nối các điểm di sản văn hóa biển đảo của Quảng Ngãi, tạo nên hành trình du lịch xuyên suốt, giúp du khách khám phá các giá trị DSVH đa dạng của tỉnh.

4.3.1.2. Tích hợp kinh doanh, thị trường

Khai thác DSVHBĐ phát triển DL là phát triển kinh tế DS, là phát triển công nghiệp VH. Do đó, cần tích hợp các yếu tố liên quan đến kinh doanh, phục vụ nhu cầu khách DL nhằm nâng cao hiệu quả khai thác DSVHBĐ trong HĐDL.

4.3.1.3. Tích hợp công nghệ

Tích hợp công nghệ trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVHBĐ là một giải pháp hiệu quả giúp nâng cao trải nghiệm du khách, đồng thời bảo vệ và làm sống lại các giá trị văn hóa. Một số giải pháp cụ thể: sử dụng công nghệ số để lưu trữ và phục dựng các hiện vật, tài liệu lịch sử về di sản văn hóa biển đảo; tạo cơ sở dữ liệu số về các DSVHBĐ của Quảng Ngãi; phát triển ứng dụng du lịch di động cung cấp thông tin về các điểm di tích văn hóa biển đảo tại Quảng Ngãi; cung cấp dịch vụ đặt vé tham quan di tích, bảo tàng, hay các hoạt động du lịch trực tiếp qua ứng dụng; sử dụng công nghệ AR hoặc VR tại các điểm tham quan; phát triển các trò chơi điện tử (game) kết hợp với DSVHBĐ.

4.3.2. Giải pháp hội tụ định hướng hợp tác

4.3.2.1. Hợp tác liên ngành trong nghiên cứu khoa học

Tỉnh Quảng Ngãi cần đầu tư cho các dự án nghiên cứu khoa học và tổ chức các hội thảo khoa học về di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi và phát triển du lịch. Những nghiên cứu liên ngành sẽ mang lại cái nhìn tổng thể, đa chiều về di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi, từ đó giúp khai thác giá trị di sản một cách toàn diện và bền vững hơn.

4.3.2.2. Hợp tác liên ngành giữa các cơ quan chuyên môn

Sự hợp tác liên ngành giữa các cơ quan chuyên môn rất cần thiết nếu muốn nâng cao hiệu quả khai thác giá trị di sản văn hóa biển đảo trong hoạt động du lịch tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, cần thiết phải có sự phối hợp giữa ngành quản lí văn hóa và ngành quản lí du lịch. Ngoài ra, để hiện thực hóa các chiến lược khai thác DSVHBĐ trong hoạt động du lịch, ngành quản lí du lịch và ngành quản lí văn hóa rất cần đến sự hỗ trợ từ các cơ quan ban ngành khác liên quan.

4.3.2.3. Hợp tác giữa các cấp quản lí nhà nước và cộng đồng địa phương

Nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lí di sản văn hóa biển đảo gắn với hoạt động du lịch, trước hết, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý văn hóa, du lịch cần có sự đánh giá sâu sắc hơn về giá trị của di sản văn hóa biển đảo. Bên cạnh đó, cần thực hiện các giải pháp: cần có sự đầu tư cho công tác quy hoạch, công tác tu bổ, tôn tạo, công tác phát huy giá trị di sản; đẩy mạnh xã hội hóa công tác quản lí di sản; nâng cao vai trò và thẩm quyền quản lí di sản của các cấp chính quyền địa phương; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về quản lí DSVH và du lịch; liên kết với các địa phương khác trong vùng

Để nâng cao vai trò của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa biển đảo, cần: tổ chức các chương trình giáo dục, hội thảo và chiến dịch truyền thông nhằm giới thiệu rõ hơn về tầm quan trọng của di sản đối với cộng đồng; sự tương tác và đối thoại liên tục giữa cộng đồng địa phương và các nhà quản lí di sản, du lịch; phát triển mô hình du lịch cộng đồng.

4.3.3. Giải pháp hội tụ định hướng đổi mới

4.3.3.1. Phát huy giá trị các DSVH khảo cổ học Sa Huỳnh tạo lợi thế cạnh tranh du lịch

Để khai thác tối ưu các giá trị di sản này, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Sa Huỳnh trong hoạt động du lịch, trước hết, việc đầu tư xây dựng một bảo tàng văn hóa Sa Huỳnh là điều cần thiết. Bên cạnh đó, nhóm di sản văn hóa khảo cổ học Sa Huỳnh, bao gồm các địa điểm như di chỉ Gò Ma Vương, Nhà trưng bày Sa Huỳnh, Đầm An Khê, và đồng muối Sa Huỳnh, có thể được khai thác để tạo nên những sản phẩm du lịch đặc thù, mang đậm tính giáo dục và khám phá. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa lợi thế này, cần có sự đầu tư vào hạ tầng giao thông, cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch và quảng bá.

4.3.3.2. Phát huy giá trị các DSVH liên quan đến Hoàng Sa - Trường Sa tạo lợi thế cạnh tranh du lịch

Trước hết, việc tôn tạo các di tích có liên quan đến đội Hoàng Sa, Trường Sa ở Quảng Ngãi không chỉ tập trung ở các di tích trên đảo Lý Sơn mà còn phải quan tâm đến các di tích có liên quan ở vùng cửa biển Sa Kỳ. Cần thiết bảo tồn

giá trị tổng hợp của các di sản (vật thể và phi vật thể) trong hệ thống DSVH liên quan đến Hoàng Sa – Trường Sa. Rất nhiều trong số các DSVH gắn với đội Hoàng Sa – Bắc Hải có tiềm năng để khai thác phát triển du lịch. Do đó, cần phát huy các giá trị của DSVH liên quan đến đội Hoàng Sa – Bắc Hải để xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù, gia tăng sức hấp dẫn của di sản đối với du khách. Ngoài ra, để phát huy vai trò của Nhà Trưng bày hải đội Hoàng Sa - Bắc Hải, cần đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất; kiểm tra và phục hồi hiện vật và đặc biệt là tích hợp công nghệ cao trong công tác trưng bày để nâng cao trải nghiệm người dùng và giáo dục công chúng về di sản văn hóa.

4.3.3.3. Phát huy giá trị các DSVH dưới nước tạo lợi thế cạnh tranh du lịch

Khai thác các giá trị di sản văn hóa dưới nước, đặc biệt là di sản tàu đắm cổ ở Bình Châu trong hoạt động du lịch có tiềm năng lớn để phát triển các sản phẩm du lịch đột phá, tạo lợi thế cạnh tranh và xây dựng thương hiệu riêng cho địa phương. Hoạt động lặn biển khám phá xác tàu đắm cổ Bình Châu sẽ là một sản phẩm du lịch hấp dẫn, kết hợp giữa trải nghiệm thể thao và tìm hiểu lịch sử, văn hóa. Một giải pháp khác là xây dựng bảo tàng hoặc Trung tâm nghiên cứu về khảo cổ học dưới nước. Cuối cùng, phát triển mô hình du lịch cộng đồng là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển bền vững du lịch gắn liền với bảo tồn DSVH.

4.3.3.4. Phát huy giá trị các DSVH liên quan đến địa chất đảo núi lửa tạo lợi thế cạnh tranh du lịch

Nhóm di sản địa chất núi lửa của Lý Sơn tạo nên một sự khác biệt so với các điểm đến du lịch biển đảo khác ở Việt Nam. Do đó, cần xây dựng những chương trình du lịch chuyên đề, dành riêng cho những du khách thật sự có nhu cầu tìm hiểu về các di sản đặc biệt này. Ngoài ra, để khai thác hiệu quả DSVH liên quan đến địa chất núi lửa ở Lý Sơn, cần phải kết hợp hài hòa giữa các yếu tố khoa học địa chất và văn hóa, nhằm mang đến cho du khách những trải nghiệm sâu sắc và độc đáo. Lý Sơn có thể phát triển các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ đá núi lửa hoặc gợi lên hình tượng núi lửa như đồ trang sức hoặc các tác phẩm điêu khắc, để tạo ra quà lưu niệm độc đáo cho du khách.

Tiểu kết chương 4

Chương 3 của luận án đã tập trung đưa ra các định hướng và đề xuất một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả giá trị di sản văn hóa biển đảo trong HĐDL tỉnh Quảng Ngãi, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững.

KẾT LUẬN

1. Di sản văn hóa là một yếu tố cốt lõi trong phát triển bền vững, đặc biệt đối với ngành du lịch. Không chỉ góp phần định hình bản sắc riêng cho điểm đến, di sản văn hóa còn ngày càng thu hút sự quan tâm của du khách trong và ngoài nước. Trong bối cảnh đó, di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi, với những giá trị độc đáo, là nguồn tài nguyên quan trọng cho phát triển du lịch địa phương. Nằm ở duyên hải Nam Trung Bộ, Quảng Ngãi sở hữu hệ thống di sản biển đảo phong phú, đồng thời xác định du lịch biển là mũi nhọn và du lịch văn hóa là nền tảng

trong chiến lược phát triển. Tuy nhiên, việc khai thác giá trị di sản trong du lịch vẫn còn nhiều hạn chế, đòi hỏi nghiên cứu toàn diện và giải pháp hiệu quả để nâng cao giá trị di sản, góp phần thúc đẩy du lịch bền vững cho địa phương.

2. DSVH được định nghĩa là "sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác" và được phân loại thành DSVH vật thể và DSVH phi vật thể. Các thành phần của DSVH đã được trình bày trong luận án góp phần định hình nội hàm rộng lớn của thuật ngữ này. DSVH, bên cạnh các giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học còn mang lại cho con người những giá trị khác. Đặc biệt, trong HĐDL, DSVH chính là nguồn vốn văn hoá có thể được chuyển hoá thành các loại vốn khác phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Trước hết, các giá trị DSVH có thể trở thành tài nguyên du lịch - yếu tố tạo lực hút đối với du khách. Ngoài ra, một số giá trị DSVH nổi bật, đặc biệt còn có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh cho HĐDL của một điểm đến du lịch nào đó.

3. Quảng Ngãi thuộc duyên hải Nam Trung Bộ, là vùng có văn hoá biển rất nổi trội. Địa phương này có đường bờ biển dài hơn 130km với đảo tiền tiêu Lý Sơn, nhiều cửa biển và vịnh nước sâu, cùng tính đa dạng sinh học cao. Ngoài ra, tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm cả không gian biển đảo của tỉnh, có một bề dày lịch sử phát triển lâu đời, trải qua nhiều giai đoạn văn hóa khác nhau. Chủ thể văn hóa của di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi lần lượt là cư dân văn hóa Sa Huỳnh, cư dân văn hóa Champa và các thế hệ người Việt đã và đang sinh sống ở vùng ven biển và hải đảo. Qua hàng trăm năm, những giá trị văn hóa bản địa và truyền thống của họ, cùng với các giá trị mới hình thành trong quá trình thích nghi với biển, đã tạo nên một di sản văn hóa biển đảo phong phú và đặc sắc cho Quảng Ngãi.

4. Hệ thống DSVHBĐ bao gồm DSVH vật thể và di sản văn phi vật thể đa dạng. Đặc điểm địa hình, địa chất phức tạp đã tạo nên những danh lam thắng cảnh hấp dẫn, ngoạn mục. Khu vực biển đảo Quảng Ngãi có sự đa dạng của các DSVH khảo cổ học liên quan đến nền văn hóa Sa Huỳnh cách đây hơn 3000 năm và các dấu tích thuộc văn hóa Champa; các di tích kiến trúc nghệ thuật liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán xã hội của cư dân vùng biển đảo; các di tích lịch sử gắn liền với lịch sử đấu tranh bảo vệ tổ quốc và lịch sử xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; các DSVH dưới nước gắn liền với lịch sử hàng hải trên biển Đông. Thêm vào đó, hệ thống các DSVH phi vật thể của vùng biển đảo Quảng Ngãi cũng không kém phần sống động và đặc sắc với rất nhiều loại hình tập quán xã hội và tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian, nghề thủ công truyền thống cùng kho tàng ngữ văn dân gian, tri thức dân gian phong phú.

Di sản văn hóa biển đảo Quảng Ngãi không chỉ mang giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ sâu sắc mà còn có ý nghĩa quan trọng trong giáo dục, kinh tế và du lịch. Hệ thống di sản này phản ánh quá trình hình thành và phát triển của cư dân vùng biển đảo qua nhiều thời kỳ, đồng thời là minh chứng cho chủ

quyền và tinh thần đấu tranh bảo vệ lãnh thổ của dân tộc. Bên cạnh những giá trị gốc, di sản biển đảo Quảng Ngãi còn có vai trò to lớn trong nâng cao nhận thức cộng đồng, giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế du lịch.

Đặc biệt, Quảng Ngãi đang sở hữu một số nhóm DSVHBĐ mang những đặc điểm riêng biệt, hoàn toàn có khả năng mang lại lợi thế cạnh tranh cho HĐDL của địa phương trong bối cảnh sức ép cạnh tranh từ các địa phương đang rất lớn.

- DSVH liên quan đến Hoàng Sa - Trường Sa ở vùng biển đảo Quảng Ngãi có vai trò rất quan trọng đối với lịch sử xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Điều đặc biệt là không có nơi nào ở Việt Nam còn lưu giữ được một hệ thống DSVH gắn liền với lịch sử xác lập chủ quyền biển đảo phong phú và đặc sắc như ở Quảng Ngãi.
- DSVH khảo cổ học Sa Huỳnh ở khu vực ven biển và hải đảo Quảng Ngãi không chỉ phong phú về số lượng, đa dạng về loại hình mà còn phản ánh được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển của nền văn hóa này. Quần thể di tích và di chỉ văn hóa Sa Huỳnh tại đây đã được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt. Đây là lợi thế cạnh tranh về "thương hiệu" bởi ít địa phương nào có thể thay thế vị trí đại diện của Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) khi nhắc đến văn hóa Sa Huỳnh.
- DSVH dưới nước hoàn toàn có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh rất độc đáo cho khu vực biển đảo Quảng Ngãi. Các nhà khoa học đánh giá vùng biển Quảng Ngãi, đặc biệt là vùng biển Bình Châu có mật độ tàu đắm tập trung rất dày đặc mà không phải địa phương nào ở Việt Nam cũng có. Các hiện vật liên quan đến xác các con tàu đắm, gốm sứ, vật dụng,… được tìm thấy rất phong phú và đa dạng; nhiều trong số đó chứa đựng những giá trị về lịch sử hàng hải của khu vực và thế giới.
- Các di sản văn hóa liên quan đến địa chất đảo núi lửa là một trong những lợi thế cạnh tranh rất đặc biệt của Quảng Ngãi. Đảo Lý Sơn được đánh giá là kỳ quan đảo núi lửa có giá trị nổi bật nhất (trong số 3 kỳ quan đảo núi lửa) ở Việt Nam. Các ngọn núi lửa ở Lý Sơn không chỉ gắn liền với lịch sử cư trú của cộng đồng cổ đại từ thời sơ kỳ đồ đá cũ mà còn là biểu tượng văn hóa quan trọng của cộng đồng địa phương.

Việc khai thác hiệu quả các giá trị này trong HĐDL không chỉ góp phần bảo tồn di sản mà còn xây dựng thương hiệu cho HĐDL biển đảo của Quảng Ngãi, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương một cách bền vững.

5. Khảo sát thực trạng khai thác di sản văn hóa biển đảo tại các địa phương ven biển và trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi), kết quả cho thấy các địa phương ven biển của Quảng Ngãi như thị xã Đức Phổ, huyện Mộ Đức, thành phố Quảng Ngãi, huyện Bình Sơn và huyện đảo Lý Sơn đều sở hữu những giá trị DSVHBĐ đặc sắc nhưng mức độ khai thác các di sản này cho phát triển du lịch ở từng địa phương là không đồng đều. Hiện nay, việc khai thác DSVHBĐ trong HĐDL ở tỉnh Quảng Ngãi đang được triển khai hiệu quả nhất ở đảo Lý Sơn. Trong khi đó, thị xã Đức Phổ và huyện Bình Sơn, tuy đã có nhiều việc làm tích cực, đặc biệt là các mô hình du lịch cộng đồng nhưng vẫn chưa phát huy hiệu quả tiềm năng của địa phương. Thành phố Quảng Ngãi với vai trò là điểm kết nối của

các tuyến du lịch, có sự đầu tư khá nhiều về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng nhưng các sản phẩm du lịch dựa trên việc khai thác DSVHBĐ vẫn chưa thật sự hiệu quả. Huyện Mộ Đức có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và văn hóa ven biển, nhưng hiện tại các di sản văn hóa gắn với biển vẫn chưa được khai thác để phụ vụ du lịch.

Nghiên cứu thực trạng khai thác giá trị di sản văn hóa trong HĐDL tại đảo Lý Sơn phản ánh mức độ không đồng đều trong mức độ khai thác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của khách du lịch đại chúng ở Lý Sơn là tham quan các địa điểm và ít những hoạt động trải nghiệm cá nhân để tìm hiểu và khám phá các giá trị văn hóa của hòn đảo. Điều này cho thấy mức độ khai thác các DSVH phi vật thể chưa được hiệu quả. Về phía các DSVH vật thể, du khách chủ yếu đến tham quan Chùa Hang, Hang Câu, Núi Thới Lới, Chùa Đục, Núi Giếng Tiền, Cổng Tò Vò, Nhà Trưng bày hải đội Hoàng Sa - Bắc Hải. Các di tích khác, thậm chí là các di tích liên quan đến Hoàng Sa - Trường Sa không thu hút được du khách. Hiệu quả khai thác của các nhóm di tích thuộc DSVH vật thể cũng đang thể hiện sự chênh lệch đáng kể.

Nghiên cứu trường hợp về Mô hình du lịch cộng đồng tại làng ven biển Gò Cỏ (thị xã Đức Phổ) cho thấy việc tham gia của cộng đồng địa phương vào HĐDL giúp du khách có cơ hội trải nghiệm đời sống, văn hóa, và phong tục tập quán của người dân làng biển. Nguồn vốn văn hóa của người dân đã được phát huy hiệu quả và chuyển hóa thành vốn kinh tế, vốn xã hội. Phát triển du lịch cộng đồng tại các làng ven biển không những gia tăng giá trị cho đời sống kinh tế, xã hội của cộng đồng ở khu vực nông thôn mà còn nâng cao hiệu quả bảo tồn phát huy giá trị DSVHBĐ, kết hợp với việc giữ gìn và phát triển cảnh quan thiên nhiên. Tuy nhiên, để phát triển hơn nữa, mô hình này cần sự hỗ trợ về mặt chính sách, cơ sở hạ tầng du lịch và đào tạo nguồn nhân lực, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và thu hút nhiều du khách hơn.

6. Từ yêu cầu của thực tiễn, cần thiết phải đề xuất các định hướng và giải pháp để nâng cao hiệu quả khai thác di sản văn hóa biển đảo trong HĐDL tại Quảng Ngãi hướng đến phát triển bền vững. Mối quan hệ giữa DSVHBĐ và HĐDL không chỉ là mối quan hệ giữa ngành văn hoá và ngành du lịch mà còn rất cần sự hợp tác của các bên liên quan. Do đó, để tối ưu hiệu quả khai thác giá trị DSVHBĐ trong HĐDL, cần thiết phải tiếp cận dưới góc nhìn của hội tụ và du lịch hội tụ.

Trước hết, rất cần thiết phải định hướng xây dựng chiến lược để Quảng Ngãi trở thành "tiểu trung tâm" du lịch biển đảo của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Điều này đòi hỏi sự đầu tư toàn diện về hạ tầng, sản phẩm du lịch và quảng bá hình ảnh, nhằm biến Quảng Ngãi thành một điểm đến hấp dẫn, có sức cạnh tranh trong khu vực. Tiếp theo, việc tổ chức không gian du lịch biển đảo một cách hợp lý, dựa trên tiềm năng DSVHBĐ của các địa phương, là định hướng then chốt hướng đến hội tụ giá trị. Để giảm áp lực cho đảo Lý Sơn, cần phát triển thêm các điểm du lịch tại các địa phương khác, từ đó phân bố lại

lượng khách du lịch, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và văn hóa. Đây là cách giúp duy trì sự bền vững của du lịch biển đảo, không chỉ tập trung vào một địa điểm mà còn tạo điều kiện cho các khu vực khác cùng phát triển. Một định hướng quan trọng khác là định hướng kết hợp giữa phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng và phát triển các sản phẩm có tính đột phá. Các sản phẩm du lịch cộng đồng gắn liền với các làng ven biển cần được triển khai rộng rãi để cộng đồng được tham gia và hưởng lợi ích từ du lịch, đồng thời các giá trị DSVHBĐ được bảo tồn và phát huy từ gốc rễ và từ dưới lên. Việc tạo ra những sản phẩm dựa trên các DSVH có lợi thế cạnh tranh như Hoàng Sa - Trường Sa, khảo cổ học Sa Huỳnh, tàu đắm cổ và địa chất núi lửa nhằm tạo ra những giá trị nổi bật, xây dựng thương hiệu cho du lịch biển đảo Quảng Ngãi.

Các giải pháp cụ thể được đưa ra cũng dựa trên tinh thần của du lịch hội tụ để giải quyết những khó khăn thách thức mà địa phương đang đối mặt.

- Nhóm giải pháp hội tụ định hướng thị trường: tích hợp giữa tài nguyên văn hóa và tài nguyên tự nhiên, tích hợp giữa di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể trong xây dựng sản phẩm du lịch; tích hợp các sản phẩm/loại hình/ tuyến điểm du lịch trong phát triển du lịch; tích hợp công nghệ trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVHBĐ; tích hợp các yếu tố liên quan đến kinh doanh, phục vụ nhu cầu khách du lịch nhằm nâng cao hiệu quả khai thác DSVHBĐ trong HĐDL

- Nhóm giải pháp hội tụ định hướng hợp tác: hợp tác liên ngành trong nghiên cứu khoa học; hợp tác liên ngành giữa các cơ quan chuyên môn; hợp tác giữa cơ quan nhà nước và cộng đồng địa phương

- Nhóm giải pháp hội tụ định hướng đổi mới: phát huy giá trị của các DSVH khảo cổ học Sa Huỳnh, DSVH liên quan đến Hoàng Sa - Trường Sa, DSVH dưới nước, DSVH liên quan đến địa chất đảo núi lửa nhằm xây dựng các sản phẩm/dịch vụ du lịch mới mẻ, tạo lợi thế cạnh tranh cho HĐDL Quảng Ngãi

7. Luận án nghiên cứu về DSVHBĐ Quảng Ngãi với HĐDL tại địa phương, đã nhận diện vai trò của các DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL với tư cách là vốn văn hoá; đã đánh giá thực trạng khai thác các giá trị DSVHBĐ trong HĐDL ở Quảng Ngãi và trên hết đã đưa ra những định hướng và giải pháp để khai thác hiệu quả các DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL hướng đến phát triển bền vững. Luận án có ý nghĩa trong việc nâng cao hiệu quả khai thác giá trị di sản văn hóa biển đảo trong HĐDL tại Quảng Ngãi, đồng thời nâng cao nhận thức, thúc đẩy bảo tồn và phát huy di sản hướng đến phát triển bền vững. Luận án củng cố lý luận về DSVH như nguồn vốn văn hóa cho HĐDL, có khả năng chuyển hóa thành các loại vốn khác, góp phần vào phát triển xã hội. Các định hướng và giải pháp của luận án giúp nâng cao hiệu quả khai thác DSVHBĐ, thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và đảm bảo lợi ích công bằng từ du lịch. Kết quả nghiên cứu cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và điều chỉnh chính sách, giúp định hướng cơ quan chức năng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản biển đảo.

8. Trong quá trình triển khai nghiên cứu, hai khung lý thuyết được lựa chọn là: lý thuyết "Vốn văn hóa" (Cultural Capital) và lý thuyết "Du lịch hội tụ"

(Convergence Tourism). Thông qua việc phân tích tư liệu, khảo sát thực tiễn và đánh giá các trường hợp điển hình tại Quảng Ngãi, hai lý thuyết này không chỉ được kiểm chứng về mặt tính hiệu lực trong phân tích hiện tượng, mà còn khẳng định được tính phù hợp trong bối cảnh phát triển du lịch gắn với di sản văn hóa và thiên nhiên tại địa phương.

Trước hết, lý thuyết Vốn văn hóa, do Pierre Bourdieu khởi xướng, cho phép nhìn nhận di sản văn hóa như một loại tài nguyên đặc thù – một hình thức vốn có thể được tích lũy, trao truyền và chuyển hóa thành các loại hình vốn khác, đặc biệt là vốn kinh tế. Thực tiễn nghiên cứu tại Quảng Ngãi cho thấy, cả những di sản nổi bật như di sản khảo cổ học Sa Huỳnh, di sản địa chất đảo núi lửa ở Lý Sơn, DSVH dưới nước, di sản liên quan đến Hoàng Sa – Trường Sa lẫn những giá trị văn hóa đang hiện diện trong cộng đồng ven biển, đều có khả năng trở thành nguồn lực cho phát triển du lịch nếu được nhận diện và khai thác đúng cách. Điều này khẳng định tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng lý thuyết Vốn văn hóa trong nghiên cứu và hoạch định chiến lược phát triển du lịch gắn với di sản.

Bên cạnh đó, việc vận dụng lý thuyết Du lịch hội tụ trong nghiên cứu đã cho thấy tính phù hợp và hiệu quả trong bối cảnh phát triển du lịch gắn với di sản văn hóa biển đảo tại Quảng Ngãi. Lý thuyết này, với các định hướng trọng tâm như định hướng thị trường, định hướng hợp tác và định hướng đổi mới, đã cung cấp một khung tiếp cận liên ngành hiệu quả, cho phép tích hợp các nguồn lực văn hóa, tự nhiên, xã hội và công nghệ. Qua đó, các giải pháp đề xuất không chỉ góp phần giải quyết toàn diện những hạn chế trong thực tiễn quản lý và khai thác di sản tại địa phương, mà còn hướng tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững (định hướng giá trị). Kết quả nghiên cứu cho thấy lý thuyết Du lịch hội tụ không chỉ phù hợp với đặc điểm địa phương mà còn có khả năng ứng dụng rộng rãi trong các nghiên cứu liên ngành về văn hóa – du lịch

9. Để đánh giá hiệu quả khai thác các giá trị DSVHBĐ trong HĐDL ở Quảng Ngãi, cần nghiên cứu sâu hơn về sự phối hợp giữa các bên liên quan (chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp du lịch, cộng đồng dân cư, khách du lịch…). Để nâng cao tính khả thi của các đề xuất, cần có những nghiên cứu kết hợp các khía cạnh kinh tế, quản trị, và marketing. Những nghiên cứu về tác động của việc khai thác du lịch đối với các giá trị di sản văn hóa biển đảo và cộng đồng địa phương sẽ giúp đưa ra các giải pháp bảo tồn bền vững, bảo đảm rằng các HĐDL không làm suy giảm giá trị văn hóa và môi trường của khu vực. Luận án đã nhấn mạnh sự cần thiết của việc hỗ trợ phát triển mô hình du lịch cộng đồng tại các làng ven biển nên rất cần nghiên cứu về việc phát triển các mô hình này, đặc biệt là cách thức quản lý, phân chia lợi ích công bằng, đào tạo nguồn nhân lực… Các vấn đề nêu trên là những khoảng trống cho các đề tài khác tiếp tục được triển khai, nhằm phát huy hiệu quả giá trị DSVHBĐ Quảng Ngãi trong HĐDL tại địa phương./.